

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách nhà nước**  
**năm 2020 của Sở Công Thương (đợt 1)**

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BCT ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-STC ngày 29/7/2020 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (đợt 1);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính – Tổng hợp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách nhà nước đợt 1 năm 2020 cho Sở Công Thương và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Công Thương (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính – Tổng hợp, trưởng các phòng thuộc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công nghiệp có trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- BGD sở;
- Lưu: VT, KH.

Tuyen/Qđconghaidot1/2020

**GIÁM ĐỐC**

**Trương Thị Mỹ Dung**

**Đơn vị: Sở Công Thương**  
**Chương: 416**

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày /8/2020  
của Sở Công Thương Đồng Nai)*

*(Đvt: đồng)*

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>Tổng dự toán giao</b>	<b>Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>Dự toán đơn vị sử dụng</b>
	<b>DỰ TOÁN CHI NS</b>	<b>1.508.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.508.000.000</b>
	<b>VĂN PHÒNG SỞ CÔNG THƯƠNG</b>	<b>1.289.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.289.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi QLNN (L340)</b>	<b>1.289.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.289.000.000</b>
	<i>- Kinh phí không thường xuyên (không tự chủ)</i>	<i>1.289.000.000</i>	<i>0</i>	<i>1.289.000.000</i>
	+ Kinh phí chỉnh lý tài liệu tồn đọng từ năm 2015 trở về trước	664.000.000	0	664.000.000
	+ Kinh phí thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	585.000.000	0	585.000.000
	+ Kinh phí đoàn Kiểm tra liên ngành kinh doanh đa cấp	40.000.000	0	40.000.000
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>219.000.000</b>	<b>0</b>	<b>219.000.000</b>
	<b>2.1 Các hoạt động kinh tế (L280)</b>	<b>204.000.000</b>	<b>0</b>	<b>204.000.000</b>
	<i>Kinh phí hoạt động không thường xuyên (không tự chủ)</i>	<i>204.000.000</i>	<i>0</i>	<i>204.000.000</i>
	Trợ cấp Tết cho Trung tâm Xúc tiến thương mại và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	26.000.000	0	26.000.000
	Kinh phí mạng lưới cộng tác viên khuyến công	178.000.000	0	178.000.000
	<b>2.2 Sự nghiệp đào tạo (L070)</b>	<b>15.000.000</b>	<b>0</b>	<b>15.000.000</b>
	Kinh phí hỗ trợ đào tạo	15.000.000	0	15.000.000